

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 9 - 2024

V/v: “Ly hôn có yếu tố nước ngoài”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn,

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Đào Bích và ông Nguyễn Văn Sảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:**
Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2024/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2024, về việc “Ly hôn có yếu tố nước ngoài”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyền Quang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: Thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyền Q; Địa chỉ hiện nay: Tầng 4, toà nhà 58, Wing Shun Lee, phố Wai Oi, Macau, Trung Quốc.

Người đại diện theo uỷ quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn:
Bà Hà Thị A, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyền Q.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Mai D, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: Thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyền Q; Địa chỉ hiện nay: Công ty TNHH quản lý đất đai Macau mới tại Macau, Trung Quốc.

Người đại diện theo uỷ quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của bị đơn: Bà Hà Thị A, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyền Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hà Thị A, sinh năm 1959;

- Ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q.

Các đương sự: Anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị Mai D, bà Hà Thị A, ông Nguyễn Hữu Ph vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Mai D đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Liên B, huyện Vụ B, tỉnh Nam Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 14/8/2013. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với bố mẹ anh C tại thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Cuộc sống hôn nhân vẫn bình thường, hạnh phúc đến năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị D có mối quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến tình cảm vợ chồng đi xuống, không có sự chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh C làm đơn đề nghị Tòa án cho anh ly hôn với chị Hoàng Thị Mai D.

Về con chung: Anh và chị D có một con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/01/2014. Khi ly hôn anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng do anh và chị D đang lao động ở nước ngoài nên anh C đề nghị tạm giao cháu K cho ông bà nội là ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1959 và bà Hà Thị A, sinh năm 1967 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi anh C về nước.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh C xác định giữa anh và chị D không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của chị Hoàng Thị Mai D có xác thực của Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hồng Kông, Trung Quốc, chị D trình bày như sau: Chị và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Liên B, huyện Vụ B, tỉnh Nam Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 14/8/2013. Sau khi kết hôn chị về chung sống với anh C và bố mẹ anh C tại thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Cuộc sống hôn nhân vẫn bình thường, hạnh phúc đến năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh C nghi ngờ chị có mối quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có sự chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay anh C làm đơn xin ly hôn chị D nhất trí ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/01/2014. Chị D và anh C thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu K cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng do anh chị đang lao động ở nước ngoài nên anh C nhờ bố đẻ ông Nguyễn Hữu Ph và mẹ đẻ bà Hà Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến khi anh C về Việt Nam. Chị D nhất trí nhờ ông Ph, bà A chăm sóc cháu K.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị D xác định giữa chị và anh C không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2024 của ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A có nội dung như sau: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 là con trai ruột của ông Ph, bà A và chị Hoàng Thị Mai D, sinh năm 1986 là con dâu của ông Ph, bà A. Hiện nay cả hai con đang lao động ở Macau, Trung Quốc. Khoảng vài năm gần đây vợ chồng C D xảy ra mâu thuẫn. Nay anh C có đơn xin ly hôn với chị D. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh C chị D có một con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/01/2014. Anh C có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng hiện nay anh C đang lao động ở nước ngoài nên muốn nhờ vợ chồng tôi chăm sóc cháu K đến khi anh C về Việt Nam, vợ chồng chúng tôi nhất trí chăm sóc cháu K đến khi anh C về Việt Nam. Trong quá trình chung sống anh C, chị D không tạo lập tài sản chung và không vay nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2024 của cháu Nguyễn Trung K có nội dung như sau: Cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/01/2014, hiện cháu đang học lớp 5 Trường Tiểu học Yên L; địa chỉ: Xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, không ở với nhau nữa cháu có nguyện vọng ở cùng bố. Nhưng bố cháu đang làm việc ở nước ngoài nên cháu ở cùng ông nội Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1957 và bà nội Hà Thị A, sinh năm 1959 tại thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định:

Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2024 với ông Hà Văn H, trưởng thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q cung cấp thông tin về tình trạng mâu thuẫn giữa anh C và chị D như sau: Năm 2013 sau khi đăng ký kết hôn anh C và chị D về sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh C là ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A tại thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Năm 2014 anh C đi xuất khẩu lao động ở Macau, Trung Quốc. Năm 2015 chị D cũng đi xuất khẩu lao động ở Macau, Trung Quốc. Do anh chị ít có mặt ở địa phương nên thôn cũng không nắm được tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn của anh C chị D.

Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh năm 2014. hiện nay cháu K đang sống cùng ông Ph, bà A tại địa phương. Khoảng 02 năm thì anh C, chị D về địa phương một lần. Khoảng tháng 6 năm 2024 ông H có thấy anh C về địa phương nhưng hiện nay cả anh C và chị D đều vắng mặt tại địa phương.

Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2024 với chủ tịch UBND xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q, ông Hà Xuân Ng cung cấp thông tin như sau: Năm 2013 anh C, chị D đăng ký kết hôn và về sống cùng hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Ph, bà Hà Thị A tại địa phương. Năm 2014 anh C đi lao động tại Macau, Trung Quốc. Năm 2015 chị D cũng đi lao động tại Macau, Trung Quốc. Do anh C, chị D ít có mặt tại địa phương nên nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh năm 2014, hiện cháu đang sống cùng ông Ph, bà A . Trong thời gian lao động ở nước ngoài khoảng 02 năm anh C, chị D về địa phương một lần. Hiện nay anh C có đơn xin ly hôn với chị D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số: 736/PA08-Đ1 ngày 02/7/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang, về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân xác định:

Công dân Nguyễn Văn C, sinh ngày 10/3/1987, đã được cấp hộ chiếu số N1737273 cấp ngày 06/3/2015. Công dân Nguyễn Văn C nhập cảnh vào Việt Nam tại Sân bay quốc tế Nội Bài vào lúc 22:21:10 ngày 09/6/2024.

Công dân Hoàng Thị Mai D, sinh ngày 13/12/1986, đã được cấp hộ chiếu số B9307409, ngày cấp 28/7/2014; ngày 02/5/2023 Hoàng Thị Mai D xuất cảnh ra nước ngoài tại Hữu Nghị (không có địa chỉ nơi đến).

Tại công văn số 831/PA08-Đ1 ngày 22/7/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang, về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân xác định: Công dân Nguyễn Văn C, sinh ngày 10/3/1987, đã được cấp hộ chiếu số E02106987, ngày cấp 21/6/2024; ngày 02/7/2024 Nguyễn Văn C xuất cảnh ra nước ngoài tại Sân bay Quốc tế Nội Bài (không có địa chỉ nơi đến).

Do anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị Mai D đều đang ở nước ngoài và anh chị đã gửi đơn từ chối hòa giải đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị Mai D, ông Nguyễn Hữu Ph, bà Hà Thị A vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị Mai D, ông Nguyễn Hữu Ph, bà Hà Thị A phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng của anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Mai D đã phát sinh mâu thuẫn, gia đình đã nhiều lần khuyên can hòa giải nhưng không được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238; 271, 273; điểm d khoản 1 Điều 469; các Điều 474, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C, cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Hoàng Thị Mai D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung K cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi đủ 18 tuổi. Do hiện nay anh Nguyễn Văn C đang lao động ở nước ngoài nên tạm giao cháu K cho ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh C về Việt Nam như đề nghị của anh C, chị D.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh C, chị D xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn C đã nộp, anh C đã nộp đủ án phí. Chị Hoàng Thị Mai D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị Mai D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và bị đơn chị Hoàng Thị Mai D là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Mai D có hộ khẩu thường trú tại thôn Liên K, xã Yên L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Hiện tại anh C, chị D đang sinh sống và làm việc tại Macau, Trung Quốc. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C; bị đơn chị Hoàng Thị Mai D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị D, ông Ph và bà A .

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Mai D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 14/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Liên B, huyện Vụ B, tỉnh Nam Đ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Qua thu thập thông tin, tài liệu xác định anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Mai D hiện nay đang ở nước ngoài. Căn cứ vào quá trình xác minh, theo bản tự khai của anh C, chị D, bà A và ông Ph phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa anh C và chị D không hạnh phúc và không có khả năng hàn gắn, hiện anh C và chị D cùng xuất khẩu lao động nhưng mỗi người ở một nơi, không liên lạc, không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau; vợ, chồng đã sống ly thân nhiều năm. Hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh C và chị D có một con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/01/2014. Khi ly hôn anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung, do anh C đang lao động ở nước ngoài nên anh C đề nghị tạm giao cháu K cho ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A (bố mẹ anh C) thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến khi anh về Việt Nam. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi còn nhỏ đến nay cháu K đã được ông Ph, bà A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hiện nay anh

C, chị D đều đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K được và trong quá trình xác minh ông Ph, bà A có ý kiến sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến khi anh C về Việt Nam. Như vậy, theo nguyện vọng và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K cần giao cháu K cho anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng trong thời gian anh C lao động ở nước ngoài, sẽ tạm giao cháu K cho ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi anh Nguyễn Văn C về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Mai D đều xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Hoàng Thị Mai D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị Mai D, ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238, 266, 271, 273, 469, 474, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C, cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Hoàng Thị Mai D (theo giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013, do Ủy ban nhân dân xã Liên B, huyện Vụ B, tỉnh Nam Đ cấp ngày 14/8/2013).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 02/01/2014 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị Mai D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai có quyền cản trở. Chị

Hoàng Thị Mai D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn C hiện đang lao động ở nước ngoài, tạm giao cháu Nguyễn Trung K cho ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi anh Nguyễn Văn C về Việt Nam.

3. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000068 ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Văn C đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Hoàng Thị Mai D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị Mai D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày nhận được bản án (thông qua người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng tại Việt Nam) hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu Ph và bà Hà Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phúc An Hoành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đào Bích

Nguyễn Văn Sảo

Phúc An Hoàn

